

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ

SẢN XUẤT HÀNG HÓA NÔNG NGHIỆP KHÔNG GÂY MẤT RỪNG



HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ
SẢN XUẤT HÀNG HÓA NÔNG NGHIỆP KHÔNG GÂY MẤT RỪNG

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	v
1. GIỚI THIỆU.....	6
1.1. Bối cảnh.....	6
1.2. Mục đích.....	6
1.3. Phạm vi áp dụng	6
1.4. Cấu trúc của hướng dẫn.....	7
2. TỔNG QUAN VỀ EUDR	7
2.1. Giới thiệu về EUDR	7
2.2. Mục tiêu của EUDR	7
2.3. Các yêu cầu cốt lõi của EUDR.....	7
2.4. Các nghĩa vụ theo EUDR	8
2.5. Thời hạn áp dụng EUDR.....	8
2.6. Hệ quả khi không tuân thủ	8
3. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU CỦA DDS THEO EUDR.....	8
3.1. Khái niệm DDS (Hệ thống Thẩm định Rủi ro – Due Diligence System)	8
3.2. Nguyên tắc thực hiện DDS.....	8
3.3. Yêu cầu tối thiểu đối với từng bước trong DDS	8
4. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ VÀ HỒ SƠ TRUY XUẤT	10
4.1. Mục tiêu.....	10
4.2. Thông tin cần thu thập theo yêu cầu của EUDR	10
4.3. Dữ liệu địa lý (Geo-location data).....	10
4.4. Hệ thống hồ sơ và truy xuất nguồn gốc.....	10
4.5. Kiểm tra và rà soát dữ liệu	11
5. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THEO CÁC TIÊU CHÍ (PHÁP LÝ, MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, TRUY XUẤT).....	11
5.1. Mục tiêu.....	11
5.2. Các tiêu chí phân tích rủi ro	11
5.3. Phân loại rủi ro	13
5.4. Nguồn thông tin và công cụ hỗ trợ đánh giá rủi ro.....	13
5.5. Tỷ lệ rút mẫu đánh giá rủi ro	13
5.6. Báo cáo đánh giá rủi ro.....	13
6. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	13
6.1. Nguyên tắc chung	13
6.2. Biện pháp giảm thiểu phù hợp.....	13
6.3. Kế hoạch thực hiện giảm thiểu rủi ro	14
6.4. Theo dõi và cải tiến biện pháp giảm thiểu rủi ro.....	14
7. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ VÀ XEM XÉT CỦA CẤP LÃNH ĐẠO.....	15
7.1. Mục tiêu.....	15
7.2. Đánh giá nội bộ hệ thống DDS	15
7.3. Đánh giá của tập thể lãnh đạo	15
7.4. Hồ sơ và lưu trữ.....	15
8. BÁO CÁO TUYÊN BỐ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ.....	16
8.1. Mục tiêu.....	16
8.2. Yêu cầu về báo cáo tuyên bố.....	16

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Yêu cầu thu thập thông tin theo EUDR	10
Bảng 2. Các rủi ro pháp lý.....	11
Bảng 3. Các rủi ro môi trường.....	12
Bảng 4. Các rủi ro xã hội và quyền cộng đồng địa phương	12
Bảng 5. Rủi ro truy suất nguồn gốc.....	12
Bảng 6. Tỷ lệ rút mẫu đánh giá rủi ro	13
Bảng 7. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro	14

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Mẫu báo cáo EUDR DDS đơn giản cho quốc gia rủi ro thấp và không có điểm quan ngại (red flags).....	18
Phụ lục 2. Mẫu báo cáo Hệ thống thẩm định đầy đủ (EUDR-DDS).....	20
Phụ lục 3. Mẫu báo cáo đánh giá nội bộ EUDR DDS (áp dụng cho EUDR DDS đầy đủ).....	22
Phụ lục 4. Mẫu báo cáo soát xét cấp lãnh đạo cho hệ thống EUDR DDS	24
Phụ lục 5. Báo cáo tuyên bố hệ thống EUDR DDS	26
Phụ lục 6. Checklist tổng thể hệ thống EUDR DDS	28

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
CEFIC	Hội đồng công nghiệp hóa chất Châu Âu
DDS	Hệ thống trách nhiệm giải trình
GIS	Hệ thống thông tin địa lý
GIZ	Tổ chức hợp tác quốc tế Đức
EC	Ủy ban Châu Âu
EU	Liên minh Châu Âu
EUDR	Quy định của Liên minh Châu Âu về sản xuất hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng
FAO	Tổ chức Nông nghiệp và lương thực của Liên hợp quốc
FSC	Forest Stewardship Council
IPCC	Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu
KTXH	Kinh tế - xã hội
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
MRV	Đo đạc, Báo cáo và Thẩm định
MOU	Biên bản ghi nhớ hợp tác
PEFC	Program for Endorsement of Forest Certification
RECOPTC	Trung tâm vì con người và rừng
VCCI	Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam
VNTLAS	Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Việt Nam
VPA/FLEGT	Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
WWF	Quỹ quốc tế Bảo vệ thiên nhiên

1. GIỚI THIỆU

1.1. Bối cảnh

Năm 2023, Liên minh châu Âu (EU) đã ban hành Quy định số 2023/1115 – Quy định về Sản phẩm không gây mất rừng (EUDR). Quy định này yêu cầu các doanh nghiệp nhập khẩu, xuất khẩu hoặc cung ứng các sản phẩm có nguy cơ liên quan đến mất rừng vào thị trường EU (như gỗ, cà phê, ca cao, đậu nành, dầu cọ, thịt bò và cao su) phải chứng minh rằng sản phẩm không góp phần vào mất rừng, suy thoái rừng hoặc vi phạm quyền con người kể từ sau ngày 31/12/2020.

EUDR áp dụng cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương nhân (bao gồm cả các công ty trong EU và ngoài EU) đưa các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh vào thị trường EU hoặc xuất khẩu ra khỏi EU. Theo đó, yêu cầu đối với các doanh nghiệp này là chỉ được đưa sản phẩm “không gây mất rừng, hợp pháp và có truy xuất nguồn gốc rõ ràng” vào hoặc ra khỏi thị trường EU. Hiệu lực áp dụng EUDR sau khi được gia hạn là từ ngày 30/12/2025 đối với doanh nghiệp lớn và từ ngày 30/06/2026 đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Doanh nghiệp phải thiết lập Hệ thống thẩm định (Due Diligence System - DDS) cho toàn bộ chuỗi cung ứng từ khai thác nguyên liệu, chế biến, vận chuyển, lưu thông đến nhập khẩu vào EU, bao gồm cả các tổ chức ngoài EU. Việc cung cấp thông tin vị trí địa lý (tọa độ polygon) của vùng sản xuất là bắt buộc.

Để hỗ trợ việc đánh giá rủi ro, vào ngày 22 tháng 5 năm 2025, Ủy ban châu Âu đã công bố phân loại rủi ro quốc gia (Country Risk Classification) theo ba mức: Thấp (Low), Tiêu chuẩn (Standard), và Cao (High). Mức rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp đến yêu cầu của DDS:

- Với quốc gia được phân loại rủi ro thấp, doanh nghiệp có thể áp dụng hệ thống DDS đơn giản hóa.
- Với quốc gia rủi ro tiêu chuẩn hoặc cao, doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ ba bước của DDS (thu thập thông tin – đánh giá rủi ro – giảm thiểu rủi ro).

Tuy nhiên, kể cả khi quốc gia được xếp loại rủi ro thấp, nếu phát hiện có các “vấn đề quan ngại” (red flags) – ví dụ như vi phạm pháp luật, tranh chấp quyền sử dụng đất, nghi vấn về nguồn gốc gỗ – thì doanh nghiệp vẫn bắt buộc phải áp dụng đầy đủ hệ thống DDS ba bước như với quốc gia rủi ro cao hoặc tiêu chuẩn.

Do vậy, các doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất, chế biến gỗ và sản phẩm liên quan cần chủ động xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro và đảm bảo tuân thủ quy định này mới có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng khắt khe của chuỗi cung ứng vào thị trường EU.

1.2. Mục đích

Cung cấp các hướng dẫn đánh giá tuân thủ EUDR để các tổ chức, doanh nghiệp có thể tự tổ chức đánh giá, hoặc kết hợp mời chuyên gia tham gia. Hướng dẫn cung cấp các thông tin liên quan đến:

- Yêu cầu pháp lý và nguyên tắc cốt lõi của EUDR;
- Cách xây dựng và thực hiện Hệ thống Thẩm định rủi ro (Due Diligence System – DDS);
- Phương pháp đánh giá, phân loại rủi ro và biện pháp giảm thiểu rủi ro theo các tiêu chí pháp lý, môi trường, xã hội và truy xuất nguồn gốc;
- Chuẩn bị hồ sơ chứng từ, dữ liệu địa lý (geolocation) phục vụ báo cáo và xác minh;
- Tổ chức đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống DDS.

1.3. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn này áp dụng cho:

- Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất khẩu gỗ và sản phẩm có liên quan đến thị trường EU;
- Các tổ chức, chủ rừng, chủ nhà máy cần đánh giá tính tuân thủ và xây dựng hồ sơ minh chứng;
- Các bên thứ ba (tổ chức chứng nhận, kiểm toán viên, cơ quan quản lý) sử dụng làm căn cứ để kiểm tra và xác minh hệ thống DDS của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng.
- Theo công bố kết quả phân loại rủi ro quốc gia của EU, Việt Nam được phân loại là quốc gia có mức rủi ro thấp. Vì vậy, chuỗi cung ứng gỗ và các sản phẩm liên quan có thể áp dụng Hệ thống DDS đơn giản hóa. Tuy nhiên, do những rủi ro tiềm ẩn khác liên quan đến các vấn đề quan ngại (red flags) – ví dụ như vi phạm pháp luật, tranh chấp quyền sử dụng đất, nghi vấn về nguồn gốc gỗ,... tài liệu này đưa ra hướng dẫn thực hiện DDS đầy đủ để doanh nghiệp áp dụng và đồng thời đưa ra mẫu DDS đơn giản hóa áp dụng cho quốc gia có rủi ro thấp để các bên liên quan có thể linh động áp dụng cho phù hợp với bối cảnh và tính phức tạp của chuỗi cung ứng của mình.

1.4. Cấu trúc của hướng dẫn

Hướng dẫn bao gồm các nội dung chính: (i) Giới thiệu; (ii) Tổng quan về EUDR; (iii) Nguyên tắc và yêu cầu của DDS theo EUDR; (iv) Xây dựng hệ thống thu thập thông tin, dữ liệu địa lý và hồ sơ truy xuất; (v) Phân tích và đánh giá rủi ro theo các tiêu chí (pháp lý, môi trường, xã hội, truy xuất); (vi) Biện pháp giảm thiểu rủi ro và kế hoạch hành động; (vii) Tổ chức đánh giá nội bộ và xem xét lãnh đạo; (viii) Báo cáo tuân thủ và lưu trữ hồ sơ; và (ix) Biểu mẫu, công cụ hỗ trợ, tài liệu tham khảo (bao gồm cả mẫu thu thập thông tin theo DDS đơn giản hóa đối với quốc gia có rủi ro thấp).

2. TỔNG QUAN VỀ EUDR

2.1. Giới thiệu về EUDR

Quy định EUDR (European Union Deforestation Regulation) – **Quy định (EU) 2023/1115 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu** – được ban hành vào ngày 31/05/2023 và có hiệu lực từ ngày **29/06/2023, nhưng được gia hạn áp dụng từ ngày 30/12/2025 với doanh nghiệp lớn và từ ngày 30/06/2026 với doanh nghiệp vừa và nhỏ**. Quy định này thay thế cho Quy định cũ về gỗ hợp pháp (EU Timber Regulation – EUTR) và mở rộng phạm vi sang **bảy loại hàng hóa chính** có nguy cơ liên quan đến phá rừng: Gỗ, Cà phê, Cao su, Dầu cọ, Cao su, Đậu nành, Sản phẩm từ chăn nuôi (như thịt bò, da). Ngoài ra, các sản phẩm phái sinh từ các loại hàng hóa trên như giấy, đồ nội thất, chocolate, v.v. cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của EUDR.

2.2. Mục tiêu của EUDR

- Ngăn chặn việc nhập khẩu hoặc tiêu thụ trên thị trường EU các sản phẩm liên quan đến phá rừng hoặc suy thoái rừng.
- Thúc đẩy chuỗi cung ứng minh bạch, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.
- Bảo vệ quyền của người dân bản địa và cộng đồng địa phương liên quan đến đất rừng.

2.3. Các yêu cầu cốt lõi của EUDR

Doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương nhân đưa sản phẩm vào thị trường EU hoặc xuất khẩu ra khỏi EU bắt buộc phải:

- Không được liên quan đến mất rừng hoặc suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020.
- Tuân thủ các quy định pháp luật của nước sản xuất, bao gồm:
 - Luật sử dụng đất, quyền sở hữu đất,
 - Luật bảo vệ môi trường,
 - Quyền của người bản địa,
 - Luật lao động.
- Có thông tin địa lý (tọa độ) chính xác nơi sản phẩm được sản xuất hoặc thu hoạch.

- Thiết lập và thực hiện hệ thống thẩm định rủi ro (DDS) để đảm bảo tính hợp pháp và không gây mất rừng.

2.4. Các nghĩa vụ theo EUDR

Doanh nghiệp có nghĩa vụ:

- Thu thập và lưu trữ dữ liệu thông tin liên quan đến sản phẩm: loại hàng hóa, số lượng, nước xuất xứ, tọa độ địa lý nơi khai thác hoặc sản xuất.
- Thực hiện phân tích và đánh giá rủi ro, phân loại thành đáng kể hoặc không đáng kể.
- Áp dụng biện pháp giảm thiểu rủi ro nếu xác định có rủi ro đáng kể.
- Gửi báo cáo Tuyên bố Tuân thủ (Due Diligence Statement) lên hệ thống thông tin EU (EU Information System) trước khi đưa sản phẩm ra thị trường EU (áp dụng cho doanh nghiệp xuất – nhập khẩu và thương nhân trực tiếp đưa hàng vào hoặc ra khỏi EU).

2.5. Thời hạn áp dụng EUDR

Thời gian hiệu lực áp dụng với doanh nghiệp lớn là 30/12/2025 và với doanh nghiệp vừa và nhỏ là 30/06/2026.

2.6. Hệ quả khi không tuân thủ

Việc vi phạm EUDR có thể dẫn đến:

- Tịch thu hàng hóa
- Phạt hành chính nghiêm trọng
- Cấm đưa hàng hóa vào thị trường EU
- Ảnh hưởng uy tín và quan hệ thương mại

3. NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU CỦA DDS THEO EUDR

3.1. Khái niệm DDS (Hệ thống Thẩm định Rủi ro – Due Diligence System)

DDS là một hệ thống quản lý được thiết kế để đảm bảo rằng hàng hóa liên quan không có nguy cơ hoặc rủi ro đáng kể về phá rừng, suy thoái rừng hoặc vi phạm pháp luật, đặc biệt là từ ngày 31/12/2020 trở đi. Hệ thống DDS bao gồm ba bước cốt lõi:

- 1) Thu thập thông tin (Information Gathering)
- 2) Đánh giá rủi ro (Risk Assessment)
- 3) Giảm thiểu rủi ro (Risk Mitigation)

3.2. Nguyên tắc thực hiện DDS

- Ngăn ngừa hơn là khắc phục: DDS nhằm ngăn chặn rủi ro từ sớm bằng phân tích kỹ lưỡng thông tin và thực hiện biện pháp phòng ngừa.
- Dựa trên bằng chứng: Mọi đánh giá và quyết định phải có tài liệu, dữ liệu hỗ trợ.
- Truy xuất nguồn gốc rõ ràng: Hàng hóa phải được truy xuất đến tọa độ địa lý nơi sản xuất hoặc khai thác.
- Thực hiện liên tục: DDS không phải hoạt động một lần, mà là một hệ thống vận hành xuyên suốt trong quá trình kinh doanh.
- Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: Toàn bộ dữ liệu, đánh giá và hành động phải được ghi chép và lưu trữ đầy đủ.

3.3. Yêu cầu tối thiểu đối với từng bước trong DDS

3.3.1. Thu thập thông tin (Information Gathering)

Theo quy định tại Điều 9 (1) EUDR, Doanh nghiệp phải thu thập đầy đủ các thông tin sau:

Các tổ chức (operators và non-SME traders) phải thu thập và lưu giữ tối thiểu các thông tin sau trước khi đưa sản phẩm lên thị trường EU hoặc xuất khẩu:

- 1) Quốc gia sản xuất – Ghi rõ quốc gia xuất xứ nguyên liệu (ví dụ: Việt Nam)
- 2) Tọa độ địa lý (plot of land) – gồm:

- Dữ liệu tọa độ GPS của lô đất/lô rừng nơi sản phẩm được thu hoạch
 - Điểm trung tâm (point) nếu diện tích <4 ha, hoặc polygon nếu ≥4 ha
 - Định dạng hệ tọa độ như WGS, GeoJSON... cho phép truy xuất chính xác
- 3) Thời điểm sản xuất/khai thác – tháng/năm thu hoạch; đối với động vật (trâu bò) cần thời gian nuôi đến khi giết mổ
 - 4) Tuân thủ pháp luật (legality) – Các hồ sơ pháp lý chứng minh hợp pháp:
 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
 - Giấy phép khai thác (nếu có)
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
 - Bảng kê lâm sản/ bảng kê hàng hóa, hợp đồng mua bán hợp lệ
 -
 - 5) Tên nhà cung cấp – thông tin nhận dạng (tên, mã số thuế, địa chỉ...) của tất cả các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp
 - 6) Loại sản phẩm – xác định rõ nhóm hàng hóa (gỗ, cà phê, cao su, dầu cọ...), tên, loại, số lượng sản phẩm
 - 7) Bảng chứng sản phẩm không liên quan đến mất rừng hoặc suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020
 - 8) Cam kết hoặc báo cáo FPIC (nếu có liên quan đến người bản địa)

3.3.2. Đánh giá rủi ro (Risk Assessment)

a) Trường hợp phải đánh giá rủi ro theo quy định của EUDR

Bảng 1. Các trường hợp thực hiện đánh giá rủi ro

Loại DDS	Phân loại rủi ro quốc gia	Có dấu hiệu cảnh báo (red flags)?	Yêu cầu đánh giá rủi ro	Yêu cầu kế hoạch giảm thiểu rủi ro
DDS đơn giản	Rủi ro thấp	✗ Không	✗ Không yêu cầu	✗ Không yêu cầu
DDS đầy đủ	Trung bình / Cao	☑ Có	☑ Bắt buộc	☑ Bắt buộc
DDS đầy đủ	Rủi ro thấp	☑ Có (dù chỉ 1 red flag)	☑ Bắt buộc	☑ Bắt buộc

Ghi chú: mẫu Báo cáo EUDR DDS đơn giản được trình bày tại **Phụ lục 1**.

Phân loại rủi ro quốc gia theo EUDR có thể truy cập tại đường link:

https://redirect.zalo.me/v3/verifyv2/pc?token=OMVrnTjQlmfd3_3Is1vGPMSAzQ_GImLaPrkXgzj5368o1QFztK8CO3PKgA7VGGXlQ5ljycC&continue=https%3A%2F%2Fgreen-forum.ec.europa.eu%2Fdeforestation-regulation-implementation%2Feur-cooperation-and-partnerships%2Fcountry-classification-list_en

b) Đánh giá khả năng sản phẩm vi phạm một hoặc nhiều điều kiện:

- Có nguồn gốc từ khu vực mất rừng, suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020?
- Vi phạm quyền pháp lý hoặc quyền của người bản địa?
- Không có khả năng truy xuất đến khu vực sản xuất?

c) Phân loại rủi ro:

- Rủi ro không đáng kể (negligible risk): Có đủ bằng chứng để chứng minh tính tuân thủ.
- Rủi ro đáng kể (non-negligible risk): Có nghi ngờ, không đủ thông tin hoặc có dữ liệu mâu thuẫn.

3.3.3. Giảm thiểu rủi ro (Risk Mitigation)

Khi rủi ro được xác định là đáng kể, doanh nghiệp phải:

- Thực hiện kiểm tra bổ sung (đánh giá, lấy mẫu, kiểm tra hiện trường)
- Yêu cầu nhà cung cấp cung cấp thêm tài liệu minh chứng
- Loại trừ nhà cung cấp nếu không thể chứng minh tuân thủ
- Cập nhật hệ thống quản lý và đào tạo nội bộ

Chỉ sau khi thực hiện đầy đủ biện pháp giảm thiểu và đưa rủi ro xuống mức không đáng kể, doanh nghiệp mới được tiếp tục đưa sản phẩm vào thị trường EU.

4. XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ VÀ HỒ SƠ TRUY XUẤT

4.1. Mục tiêu

Thiết lập một hệ thống hiệu quả để thu thập đầy đủ và chính xác thông tin liên quan đến sản phẩm, tọa độ địa lý của nguồn gốc nguyên liệu, và tài liệu truy xuất – nhằm phục vụ việc đánh giá rủi ro và chứng minh sự tuân thủ theo EUDR.

4.2. Thông tin cần thu thập theo yêu cầu của EUDR

Các thông tin cần thu thập theo yêu cầu của EUDR được mô tả tại bảng sau:

Bảng 2. Yêu cầu thu thập thông tin theo EUDR

STT	Loại thông tin bắt buộc	Mô tả chi tiết
1	Quốc gia sản xuất	Tên quốc gia nơi sản phẩm được thu hoạch hoặc sản xuất
2	Vị trí địa lý	- Tọa độ điểm (nếu < 4 ha) hoặc polygon (nếu ≥ 4 ha) - Định dạng file: GeoJSON hoặc tương đương
3	Thời điểm sản xuất/khai thác	Ghi rõ tháng/năm thu hoạch hoặc khai thác sản phẩm
4	Tuân thủ pháp luật	Bao gồm các hồ sơ hợp pháp như: • Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất • Giấy phép khai thác (nếu có) • Đăng ký kinh doanh • Bảng kê lâm sản/hóa đơn/chứng từ liên quan
5	Tên nhà cung cấp	Tên cá nhân hoặc pháp nhân, mã số thuế (nếu có), địa chỉ liên hệ
6	Loại sản phẩm	Ghi rõ loại sản phẩm: gỗ, cà phê, cao su, ca cao, đậu nành, dầu cọ, thịt bò...
7	Lưu trữ thông tin	Thông tin trên phải được lưu trữ tối thiểu 5 năm và sẵn sàng cung cấp khi có yêu cầu kiểm tra

4.3. Dữ liệu địa lý (Geo-location data)

Bắt buộc: Đối với gỗ và các sản phẩm có liên quan, phải cung cấp **tọa độ địa lý chính xác** của tất cả các lô/khu đất nơi sản phẩm được khai thác sau ngày 31/12/2020.

- **Yêu cầu định dạng:** GPS theo chuẩn **WGS84** (hệ tọa độ quốc tế), hoặc GeoJSON
- **Mức độ chi tiết:**

Tọa độ 01 điểm (thường lấy tâm ô) (nếu < 4 ha) hoặc dạng vùng (polygon) (nếu diện tích ô ≥ 4 ha). Tọa độ địa lý có thể cung cấp ở dạng cụm các lô rừng (multi-polygons) – ví dụ dạng vùng của nhiều lô rừng của một nhóm hộ.

- **Tài liệu bổ trợ:**
 - Bản đồ địa chính (giải thửa), hợp đồng thuê đất/lâm phần,
 - Ảnh vệ tinh, kết quả từ thiết bị định vị cầm tay (GPS, smartphone)
 - Giấy chứng nhận nguồn gốc lô gỗ từ cơ quan quản lý nhà nước (nếu áp dụng)

4.4. Hệ thống hồ sơ và truy xuất nguồn gốc

Doanh nghiệp cần duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo:

- Liên kết được giữa từng lô hàng và thông tin nguồn gốc tương ứng
- Tích hợp hồ sơ pháp lý, dữ liệu địa lý và lịch sử giao dịch